

# Báo cáo ngành Thủy sản

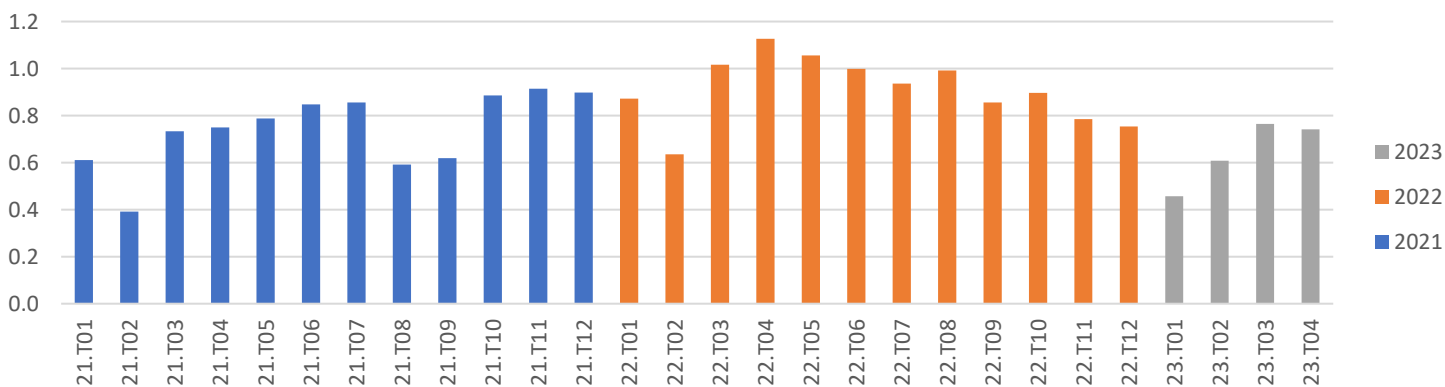
Cập nhật Kết quả kinh doanh Q1/2023

## KQKD Q1/2023: Xuất khẩu suy yếu, lợi nhuận ngành Thủy sản đi lùi

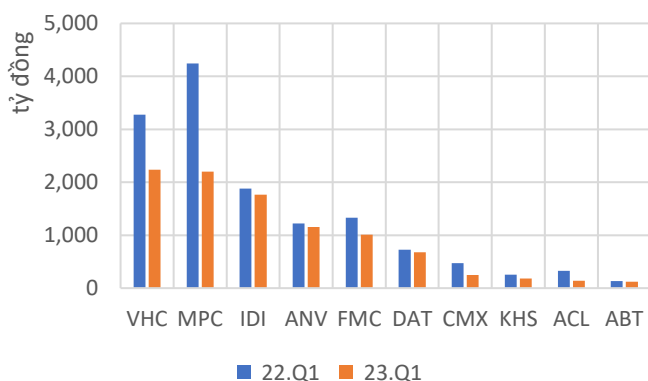
Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, xuất khẩu thủy sản 5 tháng đầu năm đạt gần 3,4 tỷ USD, giảm 28% so với cùng kỳ năm 2022. Giá trị xuất khẩu các mặt hàng chủ lực đều giảm mạnh 10-41% do nhu cầu tại các thị trường chính bị ảnh hưởng nặng nề bởi lạm phát cao, suy thoái kinh tế khiến cả lượng xuất khẩu và giá bán bình quân đều giảm. Trong 4 tháng đầu năm, các thị trường xuất khẩu đơn lẻ lớn nhất của thủy sản Việt Nam là Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc và Hàn Quốc, chiếm 60% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản.

Doanh nghiệp thiếu đơn hàng xuất khẩu, người tiêu dùng ở các thị trường lớn cắt giảm chi tiêu, khiến hàng tồn kho của doanh nghiệp còn nhiều dẫn đến giá bán xuất khẩu giảm mạnh từ 20 - 30% so với cuối năm 2022, dù đã giảm giá, nhưng vẫn rất khó xuất khẩu. Ảnh hưởng từ khó khăn chung của toàn ngành, hầu hết các doanh nghiệp thủy sản đều ghi nhận lợi nhuận Q1/2023 đi lùi, thậm chí là lỗ so với con số thực hiện trong Q1/2022.

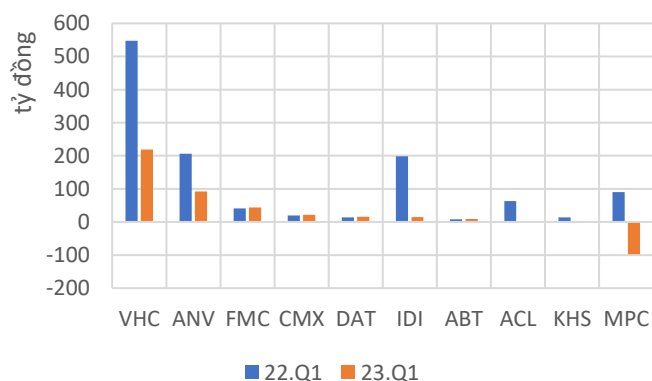
Giá trị xuất khẩu Ngành hàng Thủy sản (tỷ USD)



Doanh thu ngành Thủy sản



Lợi nhuận sau thuế ngành Thủy sản



## Xuất khẩu Thủy sản 4 tháng đầu năm 2023: Tiếp tục giảm so với cùng kỳ 2022, sức mua từ thị trường Mỹ và Trung Quốc suy yếu

Theo số liệu từ VESAP, xuất khẩu thủy sản tháng 4/2023 tiếp tục sụt giảm 28% so với cùng kỳ năm 2022, chỉ đạt 810 triệu USD. Doanh nghiệp thủy sản vẫn bị áp lực nặng nề vì thị trường tiêu thụ lao dốc, giá xuất khẩu sụt giảm mạnh trong khi sản xuất, chế biến trong nước bị gánh nặng chi phí sản xuất tăng cao, nhất là thức ăn, con giống và các chi phí cơ bản khác. Tính đến hết tháng 4/2023, xuất khẩu thủy sản đạt trên 2,6 tỷ USD, thấp hơn 31% so với cùng kỳ năm 2022.

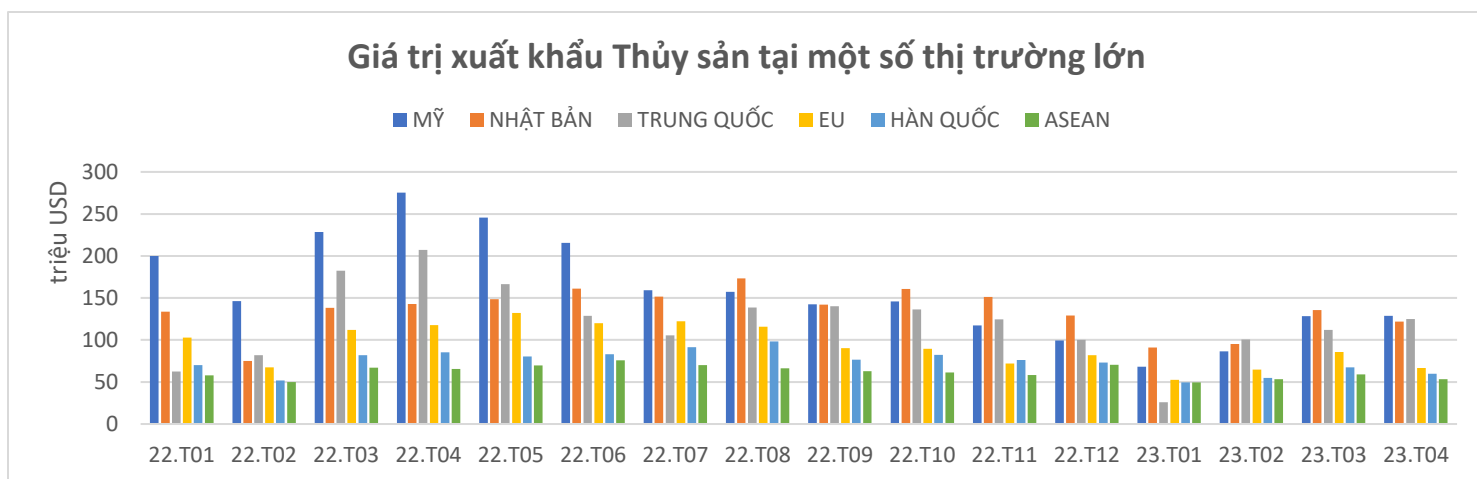
Thị trường Mỹ ngày càng lún sâu vào tình trạng giá thực phẩm tăng, tiêu thụ giảm. Người tiêu dùng đang tìm cách chỉ chi tiêu cho những hàng hóa mà họ thực sự cần. Tình trạng đó khiến cho xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Mỹ duy trì mức giảm sâu 51% trong tháng 4, khiến Mỹ rớt xuống vị trí thứ 3 trong các thị trường nhập khẩu thủy sản, sau Nhật Bản và Trung Quốc. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thủy sản sang Mỹ ước đạt 418 triệu USD, giảm trên 57% so với cùng kỳ. Xuất khẩu sang Trung Quốc dù có tín hiệu tốt hơn, nhưng vẫn chưa ghi nhận được tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân chính: xuất khẩu cá tra sang thị trường này chưa hồi phục vì giá trung bình xuất khẩu giảm. Hơn nữa, nhu cầu tiêu thụ của thị trường này hồi phục chậm hơn so với dự đoán. Tính đến hết tháng 4, xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Trung Quốc ước đạt 435 triệu USD, giảm

37%. Hai thị trường lớn đều sụt giảm nên xuất khẩu cá tra bị ảnh hưởng nặng nề, dẫn đến doanh số chỉ đạt chưa đầy 600 triệu USD trong 4 tháng đầu năm nay, giảm 46% so với cùng kỳ năm 2022.

Hai thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản đều có giá trị nhập khẩu thủy sản Việt Nam thấp hơn so với cùng kỳ, nhưng mức độ sụt giảm ít hơn so với Mỹ, Trung Quốc. Xuất khẩu tôm sang những thị trường này dù giảm nhưng được bù đắp bằng doanh thu từ hoạt động gia công chế biến xuất khẩu các mặt hàng hải sản cho các nhà chế biến, kinh doanh hải sản nước ngoài.

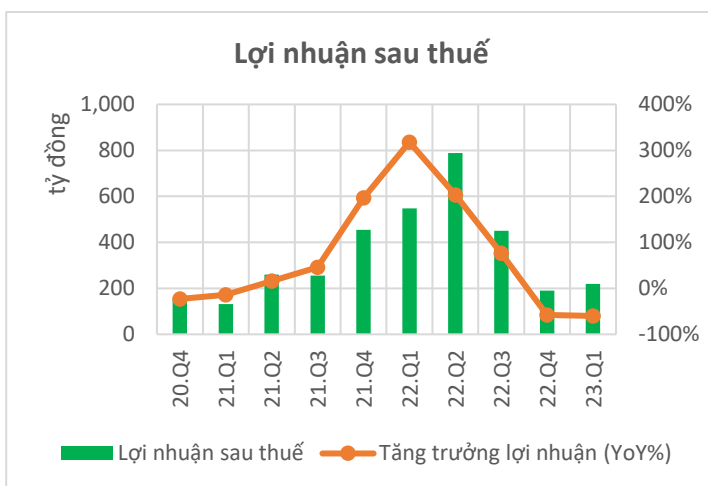
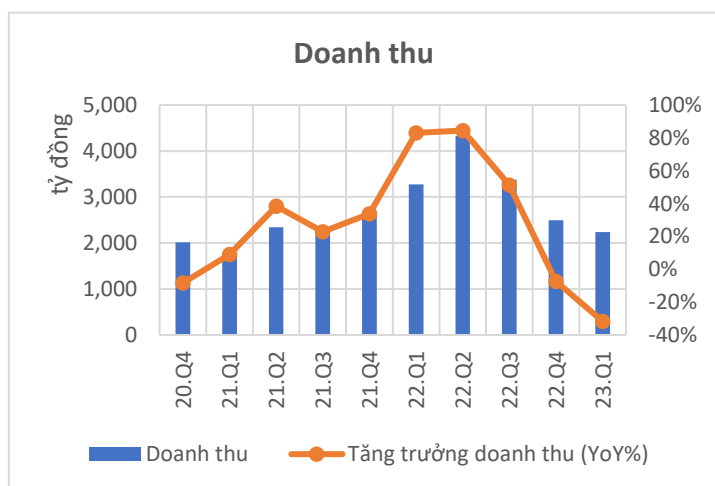
Ước XK thủy sản 4 tháng đầu năm 2023 (triệu USD)				
Sản phẩm	T4/2023	Tăng, giảm (%)	T1-T4/2023	Tăng, giảm (%)
Tôm	291,836	-34,0	891,789	-44,1
Cá tra	176,117	-43,2	598,034	-46,0
Cá ngừ	69,402	-36,0	249,780	-40,2
Mực, BT	58,459	2,9	196,805	-17,7
Nhuyễn thể có vỏ	9,401	-37,0	42,117	-20,9
Nhuyễn thể khác	0,103	-85,7	1,599	-33,5
Cua ghe và giáp xác khác	10,120	-41,2	39,817	-47,6
Cá các loại khác	194,568	9,0	622,039	-9,0
<b>Tổng</b>	<b>810,005</b>	<b>-28,2</b>	<b>2.641,979</b>	<b>-36,7</b>

Hình 1. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản 4 tháng đầu năm 2023 (nguồn VASEP)



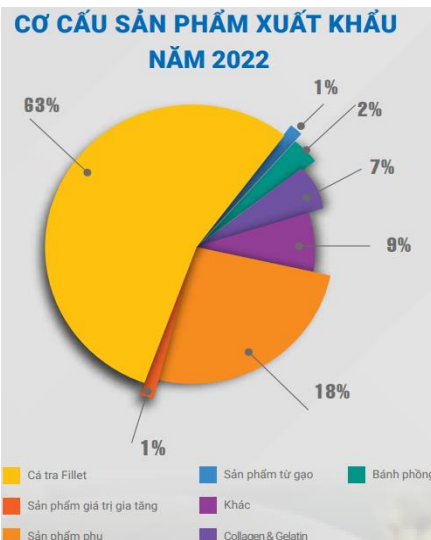
**VHC: Doanh thu tiếp tục suy giảm, lỗ đầu tư cổ phiếu**

Tính đến hết Q1/2023, VHC ghi nhận doanh thu 2,222 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 219 tỷ đồng, lần lượt giảm 32% và 60% so với cùng kỳ năm 2021, khi cả sản lượng và giá bán đều sụt giảm. Biên lợi nhuận gộp cũng giảm mạnh từ 23.8% về còn 17.3%. So với kế hoạch được đặt ra đầu năm 2023, VHC đã thực hiện được 19% kế hoạch doanh thu và 22% kế hoạch về lợi nhuận của năm. VHC đặt kế hoạch kinh doanh năm 2023 sụt giảm đáng kể, với mục tiêu doanh thu 11,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng, giảm lần lượt 13.1% và 49.4% so với kết quả thực hiện trong năm 2022. Về kế hoạch đầu tư, VHC dự kiến đầu tư 1.000 tỷ đồng, bao gồm đầu tư thêm một line sản xuất Gelatin và cải tạo nhà máy tại Công ty Vĩnh Hoàn Collagen, bổ sung ngân sách đầu tư nhà máy chế biến trái cây Thành Ngọc; bổ sung ngân sách đầu tư nhà máy thức ăn thủy sản Feedone; các khoản đầu tư cho mở rộng vùng nuôi và các khoản đầu tư mới và cải tạo nhà máy Vĩnh Phước, Thanh Bình, Vĩnh Hoàn, Sa Giang.



Theo số liệu từ Báo cáo thường niên năm 2022, VHC giữ vững vị trí doanh nghiệp đầu ngành xuất khẩu thủy sản và cá tra, chiếm lần lượt 3.4% và 15.4% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Vĩnh Hoàn cũng dẫn đầu trong số các doanh nghiệp Việt Nam ở các thị trường: Mỹ (thị phần 46%), Anh (88%); Canada (26%).

STT	DOANH NGHIỆP	DOANH SỐ (Triệu USD)
1	Công ty CP Vĩnh Hoàn (VINH HOAN CORP)	375,190
2	Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông (BIENDONG SEAFOOD)	136,415
3	Công ty Cổ phần Nam Việt ( NAVICO)	126,041
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia (IDI CORP)	120,263



Hình 2. Thị phần xuất khẩu các doanh nghiệp thủy sản và cơ cấu sản phẩm xuất khẩu của VHC (nguồn Báo cáo thường niên 2022)

Tính đến hết Q1/2023, danh mục đầu tư cổ phiếu của VHC đạt mức 178.8 tỷ đồng, nhưng lại phải trích lập dự phòng toàn bộ danh mục với giá trị 83.9 tỷ đồng, tương ứng tạm lỗ 46.9% tổng danh mục. Danh mục đầu tư bao gồm 77.4 tỷ đồng cổ phiếu NLG, trích lập dự phòng 32.5 tỷ đồng; đầu tư 57.3 tỷ đồng cổ phiếu DXS, trích lập dự phòng 38.9 tỷ đồng; đầu tư 32.8 tỷ đồng cổ phiếu KBC, trích lập dự phòng 7.7 tỷ đồng.

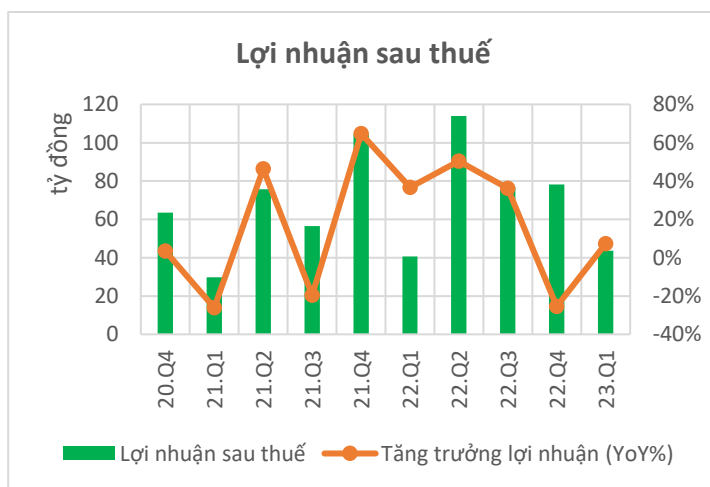
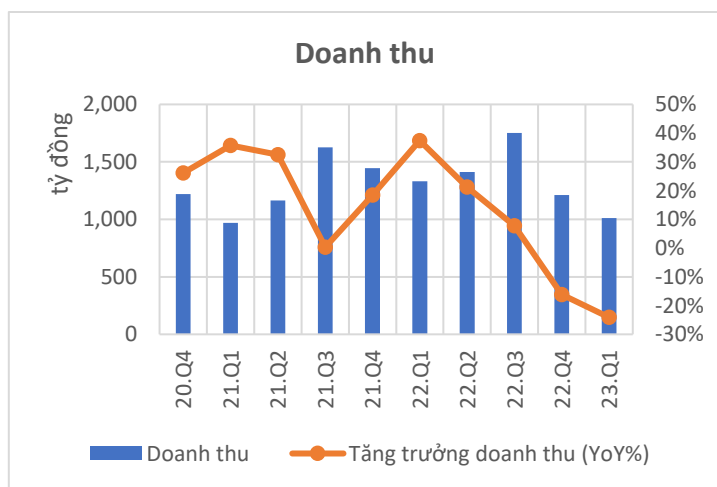
(a) Chứng khoán kinh doanh	31.03.2023			31.12.2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (NLG)	77.362.904.413	44.817.640.000	(32.545.264.413)	76.328.871.413	50.601.300.000	(25.727.571.413)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS)	57.344.849.871	18.476.555.300	(38.868.294.571)	58.203.781.919	21.592.905.600	(36.610.876.319)
Tổng Công ty phát triển Đô Thị Kinh Bắc (KBC)	32.812.221.184	25.072.075.000	(7.740.146.184)	29.954.271.089	22.273.680.000	(7.680.591.089)
Khác	11.287.117.195	6.585.658.999	(4.701.458.196)	14.832.534.935	8.253.054.598	(6.579.480.337)
	178.807.092.663	94.951.929.299	(83.855.163.364)	179.319.459.356	102.720.940.198	(76.598.519.158)

Hình 3. Danh mục đầu tư chứng khoán của VHC thời điểm cuối Q1/2023 (nguồn BCTC)

### FMC: Lợi nhuận tăng trưởng khi chi phí được cắt giảm hiệu quả

Là một trong số ít doanh nghiệp thủy sản có lợi nhuận tăng trưởng dương trong quý 1, FMC ghi nhận doanh thu thuần giảm 24% so với cùng kỳ năm trước, đạt 1,008 tỷ đồng. Trong cơ cấu doanh thu, mảng thủy sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn với 955 tỷ đồng, mảng bán hàng nông sản chiếm 55 tỷ đồng. Doanh thu giảm chủ yếu do sản lượng tiêu thụ tôm giảm 30% so với cùng kỳ, xuống còn gần 3.4 triệu tấn trong. Điểm tích cực trong kết quả kinh doanh của FMC là chi phí hoạt động được cắt giảm đáng kể. Cụ thể, chi phí bán hàng của FMC giảm 66% YoY xuống chỉ còn 24 tỷ đồng; trong khi chi phí vận chuyển cũng giảm đáng kể chỉ còn 17 tỷ đồng, tương ứng giảm 70% YoY.

Ngoài ra, FMC cũng không ghi nhận chi phí thuế chống bán phá giá, cùng kỳ năm ngoái ghi nhận khoản chi phí này gần 3.4 tỷ đồng. Sau khi khấu trừ chi phí, FMC ghi nhận lãi ròng đạt 43.7 tỷ đồng, tăng 7.3% so với kết quả đạt được trong Quý 1 năm 2022; Biên lãi gộp giảm từ 8.8% còn 7.9%. Trong năm 2023, FMC đặt kế hoạch doanh thu 5,900 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 400 tỷ đồng, tăng lần lượt 39% và 22% so với kết quả năm 2022. Tính đến hết Quý 1 năm 2023, FMC đã thực hiện được 17% kế hoạch doanh thu và 12% mục tiêu lợi nhuận.



## ANV: Giá nguyên liệu và chi phí tăng cao

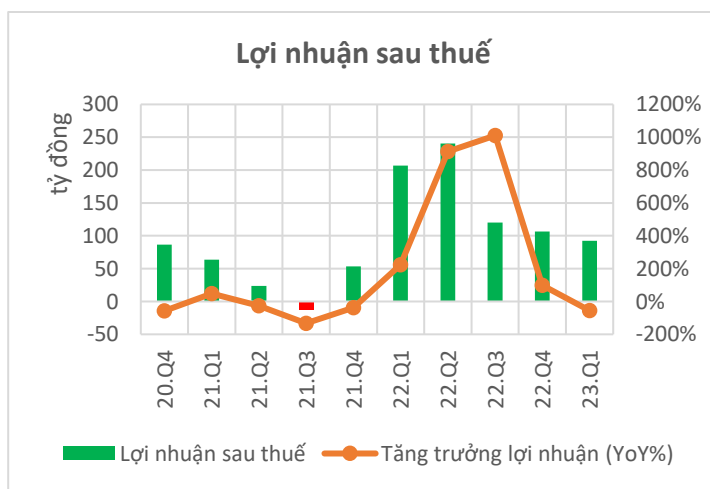
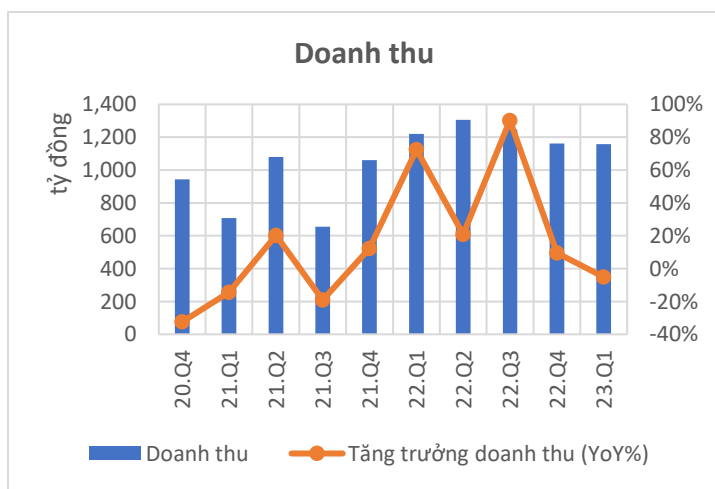
Trong bối cảnh giá bán và sản lượng sản phẩm giảm, cùng với giá nguyên liệu tăng cao đã khiến lợi nhuận Quý 1 năm 2023 của ANV giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể, ANV ghi nhận doanh thu đạt 1,155 tỷ đồng, giảm 5% so với cơ số thực hiện Quý 1 năm 2022. Trong đó, doanh thu từ xuất khẩu đạt 891 tỷ đồng, giảm 1%, doanh thu trong nước đạt 264 tỷ đồng, giảm 22%. Mặt khác, giá nguyên liệu thức ăn và giá nguyên liệu đầu vào khiến giá vốn hàng bán của doanh nghiệp tăng 10%, đạt 951 tỷ đồng. Các chi phí khác của doanh nghiệp như chi phí tài chính và chi phí doanh nghiệp tăng lần lượt 50% và 35% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 36 tỷ đồng và 18 tỷ đồng. Sau khi khấu trừ các khoản chi phí, lợi nhuận thuần của Navico đạt 92,37 tỷ đồng, giảm 55% so với con số thực hiện được trong Quý 1 năm 2022. Biên lợi nhuận gộp giảm mạnh từ 20.4% về 11.3%.

Sau năm 2022 không hoàn thành kế hoạch kinh doanh, ANV đặt kế hoạch kinh doanh đi lùi trong năm 2023. Cụ thể, kế hoạch doanh thu 2023 đạt 5,200 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ và lợi nhuận trước thuế đạt 500 tỷ đồng giảm 35% so với thực hiện của năm 2022. Tính đến hết Quý 1 năm 2023, ANV đã hoàn thành 22% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của năm. Mức chia cổ tức năm 2023 dự kiến bằng tiền mặt, tỷ lệ 10% và dự kiến phát hành hơn 133 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tương ứng 100% số cổ phần đang lưu hành.

STT	Doanh Thu	Loại tiền	Tỷ lệ 2021	Tỷ lệ 2022
1	Thành phẩm đông lạnh	VND	78,90%	78,85%
2	Thành phẩm chả cá	VND	7,52%	8,5%
3	Phụ Phẩm	VND	6,60%	7,62%
4	Thức ăn	VND	1,92%	0,34%
5	Cá nguyên liệu	VND	2,07%	1,15%
6	Điện mặt trời	VND	2,81%	2,18%
7	Khác	VND	0,18%	1,37%
	<b>Tổng cộng VND</b>		<b>100%</b>	<b>100%</b>

Hình 4. Cơ cấu doanh thu của ANV (nguồn Báo cáo thường niên 2022)

Theo số liệu từ báo cáo thường niên năm 2022, doanh thu bán thành phẩm đông lạnh chiếm tỷ trọng cao nhất, gần 80% cơ cấu doanh thu của ANV. Tiếp theo đó là sản phẩm chả cá (8.5%) và phụ phẩm (7.6%). Cơ cấu chi phí hoạt động chủ yếu là giá vốn hàng bán (chiếm 84.4% tổng chi phí), chi phí bán hàng (9.0%) và chi phí tài chính (4.5%).



## IDI: Lợi nhuận lao dốc, kế hoạch kinh doanh năm 2023 giảm 66%

Theo BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2023, IDI ghi nhận doanh thu thuần đạt 1,762 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ năm 2022. Giá vốn hàng bán tăng 3% lên 1,567 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp của IDI đạt 144,1 tỷ đồng, giảm 52,7% so với con số cùng kỳ, biên lợi nhuận gộp giảm mạnh từ 16,3% xuống 8,2%. Doanh thu hoạt động tài chính giảm giảm 48% YoY, đạt 27,89 tỷ đồng, trong khi chi phí tài chính lại tăng tới 93% YoY lên 94 tỷ đồng. Sau khi khấu trừ chi phí, lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2023 của IDI đạt 17,5 tỷ đồng, giảm 91% so với kết quả thực hiện được trong Quý 1 năm 2022.

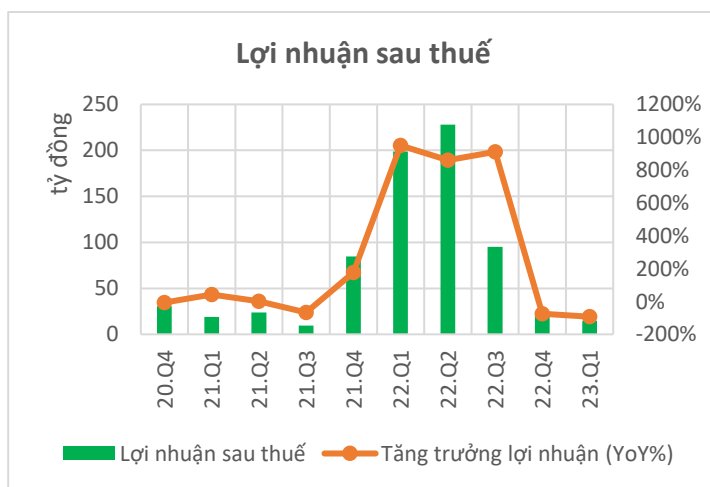
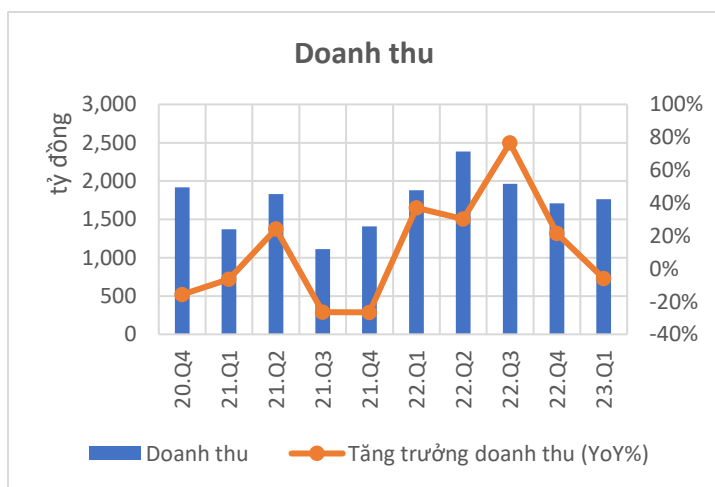
Về kế hoạch kinh doanh năm 2023, IDI đặt mục tiêu doanh thu thuần đạt 8,133 tỷ đồng, tăng 2,5% so với năm 2022 và chỉ tiêu lợi nhuận đạt 186 tỷ đồng, giảm tới 66% so với kết quả năm 2022. Tính đến hết Quý 1 năm 2023, IDI đã hoàn thành 22% kế hoạch doanh thu và 10% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

STT	KHOẢN MỤC	Năm 2021		Năm 2022	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	2.320	40,54%	3.581	45,12%
2	Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	2.213	38,67%	2.943	37,08%
3	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.127	19,70%	1.344	16,93%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	55	0,96%	68	0,86%
5	Doanh thu bất động sản đầu tư	7	0,12%	0,9	0,01%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>6.374</b>	<b>5.722</b>	<b>100%</b>	<b>7.937</b>

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2021		NĂM 2022	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.063	30,18%	2.736	40,03%
2	Giá vốn Bột Cá, mỡ cá	2.130	31,16%	2.811	41,12%
3	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.011	14,79%	1.232	18,02%
4	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	47	0,69%	55	0,80%
5	Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	6,6	0,10%	0,96	0,01%
6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-49,5	-0,72%	0,3	0,00%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>5.208</b>	<b>100%</b>	<b>6.835</b>	<b>100%</b>

Theo số liệu từ báo cáo thường niên năm 2022, doanh thu từ sản phẩm cá tra chiếm tỷ trọng lớn nhất, hơn 45% cơ cấu doanh thu của IDI. Tiếp theo đó là bột cá, mỡ cá (37,1%) và thức ăn chăn nuôi (16,9%). Ngoài chủ lực là ngành thủy sản, IDI cũng ghi nhận nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ và đầu tư bất động sản.

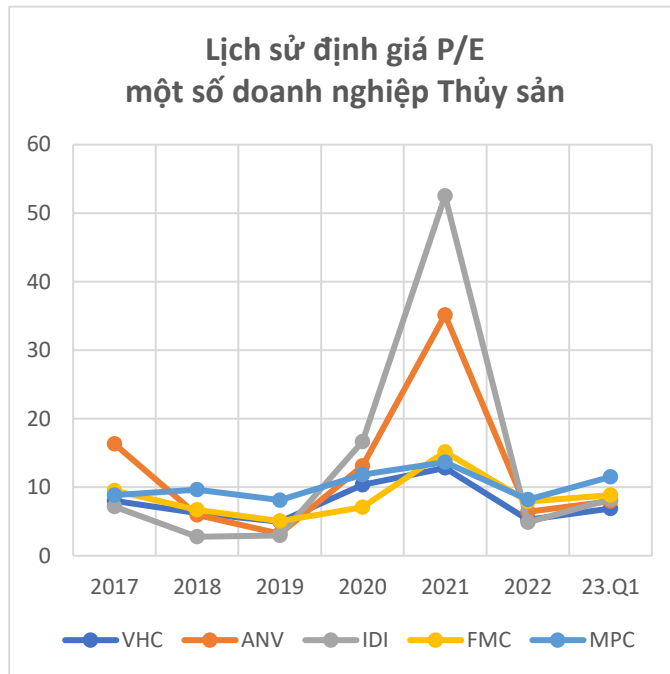
Hình 5. Cơ cấu doanh thu và chi phí của IDI (nguồn Báo cáo thường niên 2022)



**Triển vọng năm 2023: Các doanh nghiệp chủ động cơ cấu lại thị trường xuất khẩu, kỳ vọng vào sự phục hồi của thị trường Mỹ và Trung Quốc**

Sau năm 2022 ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, hầu hết các doanh nghiệp thủy sản đều đặt kế hoạch kinh doanh thận trọng so với cùng kỳ. Bà Nguyễn Thị Thu Sắc, Chủ tịch VASEP, đánh giá năm 2023 là một nốt trầm của ngành thủy sản Việt Nam trước những tác động của suy thoái kinh tế, lạm phát toàn cầu và những khó khăn sản xuất chế biến trong nước, cộng thêm áp lực cạnh tranh sản lượng lớn và giá rẻ từ Ecuador, Ấn Độ, Indonesia...

Tại Hội nghị tổng kết 6 tháng đầu năm, VASEP dự kiến ngành thủy sản có thể phục hồi xuất khẩu từ quý III và tăng tốc vào quý IV khi nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường chủ lực tăng trưởng trở lại. Cũng tại hội nghị, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ông Phùng Đức Tiến thông tin ngành thủy sản đang phục hồi, số lượng đơn hàng xuất khẩu đang tăng, nhiều doanh nghiệp đã bắt đầu tăng ca để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Dù xuất khẩu tháng 4 năm 2023 vẫn sụt giảm so với cùng kỳ nhưng đã có sự hồi phục so với các tháng trước đó. Các doanh nghiệp đã chủ động cơ cấu lại thị trường xuất khẩu từ các quốc gia có nhu cầu sụt giảm mạnh như Mỹ và Trung Quốc, sang các thị trường đang có đà hồi phục tốt như Nhật Bản và khối EU.



**Kết quả kinh doanh Quý I năm 2023 và các chỉ số chính**

Mã	Giá 14/06/23	Doanh thu Quý (tỷ)	Tăng trưởng (YoY)	Lợi nhuận Quý (tỷ)	Tăng trưởng (YoY)	Biên lợi nhuận	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	Tỷ lệ Nợ/VCSH
VHC	60,700	2,239	-32%	219	-60%	9.9%	11,131	6.7	1.4	35%
MPC	18,410	2,200	-48%	-97	-208%	-4.6%	7,362	11.6	1.3	54%
ANV	34,050	1,158	-5%	92	-55%	8.0%	4,533	7.8	1.5	68%
ASM	10,500	3,064	-5%	69	-67%	2.3%	3,534	7.2	0.7	127%
FMC	42,000	1,010	-24%	44	7%	4.3%	2,746	8.8	1.4	20%
IDI	12,550	1,764	-6%	15	-93%	0.8%	2,857	8.0	0.9	126%
CMX	9,350	247	-48%	21	10%	8.7%	953	12.8	0.8	74%
DAT	10,950	678	-7%	15	8%	2.2%	689	8.4	0.9	102%
ACL	12,500	140	-57%	2	-97%	1.4%	627	10.8	0.8	80%
ABT	31,900	124	-7%	9	20%	7.4%	376	5.7	0.8	24%
SJ1	12,700	272	-7%	3	-11%	1.2%	298	22.4	1.0	201%
KHS	14,100	184	-27%	-3	-119%	-1.4%	170	7.7	0.8	93%
AAM	10,750	30	-46%	1	-41%	4.1%	112	7.0	0.5	0%
BLF	3,200	122	10%	-13	-85%	-10.7%	37	-0.8	0.4	201%



## BP Phân tích

Analyst: Phạm Tô Thước Huân  
huanptt@vise.com.vn

### Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931